

Số: 22/2021/QĐST-DS

Sóc Sơn, ngày 20 tháng 7 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 49/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2021,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V; Địa chỉ: Số xx L, phường L, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D** - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Phạm Tuấn A** - Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân Ngân hàng TMCP V.

(Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP V).

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông **Lê Quang H** - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V.

Ông **Đỗ Hải A1** - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V.

Ông **Trần Hải Nam** - Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP V. Thịnh Vượng.

(Theo văn bản ủy quyền số 566/2021/UQ-VPB ngày 10/3/2021 của Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng SME và cá nhân Ngân hàng TMCP V).

2. Bị đơn:

2.1. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2.2. Chị **Phan Thị B**, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu **Nguyễn Phương L**, sinh năm 2008; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.2. Cháu **Nguyễn Phương T**, sinh năm 2008; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.3. Cháu **Nguyễn Nhật M**, sinh năm 2019; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Phương L, Nguyễn Phương T và Nguyễn Nhật M là bố các cháu: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.4. Anh **Nguyễn Văn A2**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị B và anh Nguyễn Văn A2: Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về ký kết hợp đồng tín dụng và số tiền nợ:

Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Văn D, chị Phan Thị B có ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số LN1901171203996 ngày 22/01/019 và Khế ước nhận nợ số LN1901171203996 ngày 23/01/2019 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Văn D; số tiền vay: 350.000.000 đồng, tính đến hết ngày 12/7/2021, anh Nguyễn Văn D và chị Phan Thị B còn nợ Ngân hàng số tiền 410.856.957 đồng (Bốn trăm mười triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng); trong đó: nợ gốc: 312.040.004 đồng; nợ lãi: 92.036.843 đồng; phạt chậm trả: 6.780.110 đồng.

- Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Online số LD1934001203 ngày 06/12/2019 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn Văn D; số tiền vay: 100.000.000 đồng, tính đến hết ngày 12/7/2021, anh Nguyễn Văn D còn nợ Ngân hàng số tiền 138.233.444 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó: nợ gốc: 96.234.886 đồng; nợ lãi: 39.107.653 đồng; phạt chậm trả: 2.890.905 đồng.

- Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1912061951012 ngày 06/12/2019 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và anh Nguyễn V; số tiền vay 20.000.000 đồng, tính đến hết ngày 12/7/2021, anh Nguyễn Văn D còn nợ

Ngân hàng số tiền 20.350.000 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Tài sản đảm bảo cho khoản vay:

- Tài sản đảm bảo cho khoản vay của Hợp đồng cho vay số LN1901171203996 ngày 22/01/2019 và Khế ước nhận nợ số LN1901171203996 ngày 23/01/2019: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 95, tờ bản đồ 06 thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP xxxxxx, số vào sổ cấp GCN: CS-SSxxxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2018 mang tên: Ông Nguyễn Văn D. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 22/01/2018, số công chứng xxx/2019; Quyền số 01 - 2019 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng K, thành phố Hà Nội và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tính chất pháp lý của hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ và hợp pháp. Hiện trên tài sản thế chấp có anh Nguyễn Văn D, cháu Nguyễn Phương L, Nguyễn Phương T và Nguyễn Nhật M đang ở. Ngoài ra, không còn ai khác.

- Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Online số LD1934001203 ngày 06/12/2019 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1912061951012 ngày 06/12/2019 không có tài sản thế chấp.

3. Nghĩa vụ và phương thức trả nợ:

3.1. Đến ngày 25/10/2021, anh Nguyễn Văn D và chị Phan Thị B cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc, lãi, phạt chậm trả lãi của Hợp đồng cho vay số LN1901171203996 ngày 22/01/2019 và Khế ước nhận nợ số LN1901171203996 ngày 23/01/2019 tính đến hết ngày 12/7/2021 là: 410.856.957 đồng (Bốn trăm mười triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng) và tiền lãi, tiền phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 13/7/2021 theo quy định tại Hợp đồng cho vay số LN1901171203996 ngày 22/01/2019 và Khế ước nhận nợ số LN1901171203996 ngày 23/01/2019 cho đến khi trả hết nợ tại Ngân hàng TMCP V trên dư nợ gốc thực tế.

Toàn bộ số tiền anh Nguyễn Văn D và chị Phan Thị B trả cho Ngân hàng trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc.

- Đến hết ngày 25/10/2021, anh Nguyễn Văn D và chị Phan Thị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 95, tờ bản đồ 06 thôn T, xã X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CP xxxxxx, số vào sổ cấp GCN: CS-SS xxxx do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2018 mang tên: Ông Nguyễn Văn D. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của

người khác ngày 22/01/2018, số công chứng xxx/2019; Quyền số 01 - 2019 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng Công chứng K, thành phố Hà Nội và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tính chất pháp lý của hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ và hợp pháp. Hiện trên tài sản thế chấp có anh Nguyễn Văn D, cháu Nguyễn Phương L, Nguyễn Phương T và Nguyễn Nhật M đang ở. Ngoài ra, không còn ai khác.

- Trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V, thì anh Nguyễn Văn D và chị Phan Thị B phải tiếp tục chịu trách nhiệm trả số nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V.

3.2. Đến ngày 25/10/2021, anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc, lãi, phạt chậm trả lãi của Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Online số LD1934001203 ngày 06/12/2019, tính đến hết ngày 12/7/2021 là: 138.233.444 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, hai trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng) và tiền lãi, phạt chậm trả phát sinh kể từ ngày 13/7/2021 theo quy định tại Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Online số LD1934001203 ngày 06/12/2019 cho đến khi trả hết nợ tại Ngân hàng TMCP V trên dư nợ gốc thực tế.

3.3. Đến ngày 25/10/2021, anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số nợ gốc, lãi, phạt chậm trả lãi của Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1912061951012 ngày 06/12/2019, tính đến hết ngày 12/7/2021 là: 20.350.000 đồng (Hai mươi triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) và tiền lãi, phạt chậm trả kể từ ngày 13/7/2021 theo Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1912061951012 ngày 06/12/2019 cho đến khi trả hết nợ tại Ngân hàng TMCP V trên dư nợ gốc thực tế.

Toàn bộ số tiền anh Nguyễn Văn D trả cho Ngân hàng trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ sẽ được ưu tiên trừ vào nợ gốc.

- Trường hợp anh Nguyễn Văn D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh Nguyễn Văn D để thu hồi khoản nợ vay của Hợp đồng cho vay áp dụng đối với khách hàng cá nhân vay vốn từng lần không tài sản bảo đảm trên Kênh Online số LD1934001203 ngày 06/12/2019 và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN1912061951012 ngày 06/12/2019.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: 13.388.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm tám mươi tám nghìn đồng). Các đương sự thỏa thuận để anh Nguyễn Văn D tự nguyện chịu toàn bộ để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 9.854.000 đồng (Chín triệu, tám trăm năm mươi tư nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số:

AA/2020/0004139 ngày 02/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sóc Sơn.

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Chi cục THADS huyện Sóc Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Duy Khoa